

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA SỐ 04 NĂM 2017

*(Kèm theo quyết định số/QĐ- ĐHCN ngày tháng....năm 2017
của hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)*

I. Nghề Công nghệ Ôtô

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	NGUYỄN NGÔ LONG	17/08/1990		x		135510746	5/7/2007	CA Vĩnh Phúc
2	NGUYỄN VŨ QUANG	09/06/1978		x		012088661	11/7/2011	CA Hà Nội
3	PHAN VĂN HÙNG	19/04/1974		x		026074002101	3/5/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
4	LÊ VĂN THÀNH	24/4/1974		x		001074003699	26/1/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	NGUYỄN ANH DŨNG	26/11/1977		x		135010007	05/12/2012	CA Vĩnh Phúc
6	NGUYỄN KIM SỸ	21/09/1975		x		026075001408	21/7/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	16/9/1985		x		025085000439	12/7/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8	LÊ ĐÌNH ĐẠT	03/04/1980		x		135417789	3/4/2006	CA Vĩnh Phúc
9	NGUYỄN VĂN THÔNG	03/05/1983		x		135079634	16/6/2012	CA Vĩnh Phúc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
10	DƯƠNG MẠNH HÀ	02/05/1981		x		135059803	6/12/2012	CA Vĩnh Phúc
11	NGÔ QUANG TẠO	30/08/1983		x		151499972	27/04/2013	CA Thái Bình
12	CHU ĐỨC HÙNG	24/02/1983		x		019083000025	05/05/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	NGUYỄN PHI TRƯỜNG	20/01/1981		x		001081018404	08/03/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
14	TRẦN HỒNG ANH	27/10/1977		x		091573581	11/05/2006	Công An Thái Nguyên

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
15	TRẦN VĂN TẤN	14/06/1980		x		090858916	15/08/2012	Công An Thái Nguyên
16	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	11/07/1984		x		090862270	31/12/2005	Công An Thái Nguyên
17	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/05/1987		x		168196653	04/07/2009	Công An Hà Nam
18	LÊ VĂN QUANG	09/08/1977		x		(0)90763728	23/07/2007	Công An Thái Nguyên
19	ĐOÀN THANH BÌNH	14/11/1984		x		070592998	04/11/2013	Công An Tuyên Quang

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
20	ĐỖ NGỌC THỊNH	24/03/1984		x		060672149	04/11/2015	Công An Yên Bái

II. Nghề HÀN

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh 3x4 cm	Giới tính		CMT/Hộ chiếu/CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	ĐỖ THỊ LÀN	02/09/1982			x	027182000372	04/05/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	BÙI HỮU THẠO	19/10/1976		x		135764670	24/7/2013	Công an tỉnh Vĩnh Phúc
3	PHÙNG ĐỨC TRỊ	24/04/1980		x		135025204	24/11/2012	CA Vĩnh Phúc
4	NGUYỄN TIẾN DŨNG	03/02/1989		x		091100760	17/7/2013	CA Thái Nguyên

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	HOÀNG HÀO	18/09/1973		x		135596051	11/3/2009	CA Vĩnh Phúc
6	LÊ XUÂN KHÔI	16/09/1963		x		024063000038	14/1/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	NGUYỄN DƯƠNG HẢI	12/10/1973		x		135020266	29/11/2006	CA Vĩnh Phúc

III. CẮT GỌT KIM LOẠI TRÊN CNC/TIỀN CNC

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	LÊ THỊ THU DUNG	08/05/1984			X	135063893	05/10/2010	CA Vĩnh Phúc
2	ĐỖ THỊ HUỆ	06/10/1980			X	135016078	13/07/2010	CA Vĩnh Phúc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
3	VŨ THẾ TUYÊN	30/04/1985		X		135881034	05/02/2013	CA Vĩnh Phúc
4	PHẠM THỊ LINH	27/04/1982			X	026182001339	09/12/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
5	LẠI VĂN HOÀNG	04/07/1984		X		135372731	03/05/2012	CA Vĩnh Phúc
6	CHU MẠNH HÙNG	28/04/1978		X		026078001931	16/12/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	NGUYỄN THỊ HẠNH	20/02/1982			X	164133718	12/03/2004	CA Ninh Bình

IV. Nghề ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh 3x4 cm	Giới tính		CMT/Hộ chiếu/CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	KIỀU MAI VÂN	17/11/1981			x	1350 53675	25/1/1999	C.A tỉnh Vĩnh Phúc
2	PHẠM QUANG ANH	22/05/1985		x		1351 84403	20/3/2014	C.A tỉnh Vĩnh Phúc
3	CAO THỊ NHƯ' QUỲNH	12/12/1984			x	1350 89837	25/2/2000	C.A tỉnh Vĩnh Phúc
4	NGUYỄN VĂN QUỲ	20/11/1986		x		1352 29241	15/3/2004	C.A tỉnh Vĩnh Phúc
5	PHAN THỊ LÝ	08/08/1983			x	0331 83001576	18/2/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư /Hộ chiếu/ CCCD		
				Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
6	NGUYỄN VĂN TRÁNG	13/02/1974		x		026074002364	29/8/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư